

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-9- 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huệ

*Các Hôi thâm nhân dân:* 1. Bà Mai Thi Bình

## 2. Ông Phan Quốc Văn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền- KSV

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi Vũ Thị T - Sinh năm: 1982

*Địa chỉ:* Thôn Nam Thành, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

2. *Bi đơn*: Anh Mai Văn L - Sinh năm: 1972

*Địa chỉ:* Thôn 2 Hậu Trạch, xã Nga Th, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/8/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh L tự nguyện về chung sống với nhau vào cuối năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quá trình chung sống đến đầu năm 2018 thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L rượu chè, cờ bạc, đánh đập, chửi bới, nhục mạ vợ con. Từ tháng 12/2018, chị và anh L sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét để chị được ly hôn anh L theo quy định; về con: chị và anh L có 01 con chung là Mai Văn M, sinh ngày 03/11/2010. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Mai Văn L trình bày: anh và chị T chung sống cùng nhau từ cuối năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Vợ chồng chung sống cùng nhau đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn xảy ra xích mích, cãi cọ, chị T không quan tâm đến anh. Vợ chồng đã sống ly thân 3 năm. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh muốn đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý; về con: anh và chị T có 1 con chung như chị T đã trình bày. Sau ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản anh không có yêu cầu gì.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân, tiến hành hòa giải về con chung và tài sản theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn giữ nguyên các ý kiến về hôn nhân; về con chung và về tài sản. Đối với bị đơn anh L, anh cũng giữ nguyên quan điểm về hôn nhân, con chung, tài sản như đã trình bày.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Vũ Thị T và anh Mai Văn L là vợ chồng; về con giao cháu Mai Văn M, sinh ngày 03/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu; về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét; về án phí chị T phải chịu án phí DSST theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

\* Về tố tụng: Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[1] Về hôn: Theo các đương sự trình bày: Từ năm 2009, chị T và anh L về chung sống cùng nhau, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga T cũng như UBND xã Nga Th theo quy định. Quá trình chung sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không thể duy trì. Hai bên đều thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra và đã sống ly thân từ năm 2018 đến

nay. Chị T đề nghị ly hôn, anh L muốn đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T và anh L khi xây dựng cuộc sống chung đảm bảo điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền mà lại chung sống như vợ chồng. Do đó, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống như vợ chồng của chị T và anh L đã tồn tại trong thời gian dài và phát sinh mâu thuẫn. Chị T đề nghị giải quyết ly hôn, anh L không nhất trí. Xét việc đề nghị của chị T là hoàn toàn chính đáng, nhưng không có cơ sở để giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “Không công nhận quan hệ của chị Vũ Thị T và anh Mai Văn L là vợ chồng” là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Quá trình chung sống chị T và anh L có 01 con chung là Mai Văn M, sinh ngày 03/11/2010. Sau ly hôn, các đương sự đều đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đề nghị xin được nuôi con, không yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên, nguyện vọng cháu M xin được ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu M về mọi mặt, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Vũ Thị T và anh Mai Văn L là vợ chồng.

2. Về con: Giao cháu Mai Văn M, sinh ngày 03/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí DSST là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0010838 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; chị T đã nộp đủ án phí DSST;

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự*

4. Quyền kháng cáo: Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Lê Thị Huệ***